TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/ 4/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Thủy

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Thanh Trà và ông Huỳnh Tiễn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Oanh K, sinh năm 1988. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: đường I, tổ 33, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Nơi tạm trú: đường Y, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường I, tổ 33, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1964 và bà Nguyễn H, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường I, tổ 33, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 26/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Oanh K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Oanh K và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm nhau. Từ thời điểm ly thân, ông K dọn ra ở riêng đến nay mâu thuẫn càng trầm trọng. Ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

- Về con chung*:* Bà T và ông K có 01 con chung tên Nguyễn V - sinh ngày 11/01/2013.

Ly hôn, ông K có nguyện vọng được giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông K xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông K xác định vợ chồng ông có nhờ ông Nguyễn Q và bà Nguyễn H (là cha mẹ ruột ông K) đứng tên vay dùm số tiền 120.000.000 đồng từ ngân hàng để làm ăn. Tuy nhiên, ông K không biết rõ về việc ông Q và bà H đã vay ngân hàng nào. Đối với số nợ 120.000.000 đồng của ông Q và bà H, ông K tự nguyện trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải, tuy nhiên bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại bản tự khai ngày 13/12/2018, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng cho rằng không phải là mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, cách dạy con cái và ông K có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác. Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, và vì lợi ích con chung nên không đồng ý ly hôn. Do không đồng ý ly hôn nên bà T không có ý kiến về việc nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà T cho rằng vợ chồng có nợ ngân hàng, do cha mẹ chồng đứng ra vay giúp. Tại văn bản ngày 21/3/2019, bà T trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông K và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Về con chung, bà xin được nuôi dưỡng con chung và không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung, bà T cho rằng ông K đã trả hết số nợ đối với ông Q và bà H nên không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Q và bà Nguyễn H đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp bản trình bày ý kiến về khoản nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của ông Nguyễn Oanh K đối với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn V - sinh ngày 11/01/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông K về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông K xác định không có tài sản chung, bà T không có lời trình bày về tài sản chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

- Về nợ chung: Ông K và bà T đều xác định vợ chồng có nợ ông Nguyễn Q và bà Nguyễn H nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh khoản nợ, ông Q bà H cũng không có ý kiến xác nhận nợ nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **VÒ thñ tôc tè tông**: Yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Oanh K đối với bà Nguyễn Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

- Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Oanh K và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông K thì thấy: Quá trình chung sống ông K và bà T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Khi mâu thuẫn không thể khắc phục, ông K đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng bà T vẫn không có mặt, không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ. Ngày 21/3/2019, bà T có văn bản gửi đến Tòa án trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông K và xin được không tham dự phiên tòa. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích pháp lý và tình cảm cho ông K nhưng ông vẫn kiên quyết xin ly hôn, xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với bà T. Xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Quan hệ con chung: Xét yêu cầu của ông K về việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng thì thấy, bà T đã có văn bản thể hiện ý kiến muốn được nuôi con chung. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi cháu Nguyễn V ổn định và phát triển tốt về mọi mặt. Mặc khác, cháu V còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nên cần tiếp tục giao cho bà T nuôi để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, phù hợp với Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông K.

- Về tài sản chung: Ông K xác định ông và bà T không có tài sản chung. Tại các văn bản đã gửi đến Tòa, bà T cũng không có lời trình bày về tài sản chung nên HĐXX không đề cập đến. Nếu sau này bà T và ông K có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung: Ông K xác định vợ chồng có nợ ông Nguyễn Q và bà Nguyễn H số tiền 120.000.000 đồng. Bà T cũng xác định vợ chồng có nợ ông Q và bà H nhưng không trình bày rõ số nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về khoản nợ. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Q và bà Nguyễn H để cung cấp lời khai và tham gia phiên tòa nhưng ông Q và bà H đều vắng mặt, không có trình bày nào về khoản nợ nên HĐXX không đề cập đến. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về nợ chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Oanh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Oanh K về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Oanh K được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn V - sinh ngày 11/01/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Oanh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông K còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông K và bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cấp đến.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cấp đến.

5. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng ông Nguyễn Oanh K phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 6561 ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Oanh K phải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Thủy

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND Q Hải Châu*;
- *Cơ quan THADS Q. Hải Châu;*
- *UBND phường H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*.